

Số:152/TB-THQT

Đông Triều, ngày 05 tháng 04 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc công bố công khai thực hiện thu – chi ngân sách và tình hình thực hiện thu - chi dịch vụ, thu khác quý I năm 2024 của TH Quyết Thắng

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi Thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 878/QĐ-PGD&ĐT ngày 28/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều "Về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2024";

Xét đề nghị của tổ Văn phòng,

Nhà trường thông báo công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu chi ngân sách và thực hiện thu – chi dịch vụ, thu khác quý I năm 2024 của TH Quyết Thắng(Đính kèm biểu số 3).

Thời gian công khai: 30 ngày (từ ngày 05/4/2024 đến ngày 04/5/2024)

* Địa điểm công khai:

- + Bảng thông báo của Nhà trường.
- + Bảng thông báo tại Hội đồng giáo dục Nhà Trường.
- + Thông báo tại các cuộc họp của CBGV-NV.
- + Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường thquyetthang@dongtrieu.edu.vn.

Nơi nhận

- BGH nhà trường;
- L- u

HIỆU TRƯỞNG


Lê Thị Thu

Số: 59/QĐ-THQT

Mạo Khê, ngày 05 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện thu – chi ngân sách và tình hình thực hiện thu - chi dịch vụ, thu khác quý I năm 2024 của Trường TH Quyết Thắng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH QUYẾT THẮNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi Thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 878/QĐ-PGD&ĐT ngày 28/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều "Về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2024";

Xét đề nghị của tổ Văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách và và thực hiện thu – chi dịch vụ, thu khác quý I năm 2024 của trường TH Quyết Thắng (đính kèm biểu số 3).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu, Tổ trưởng tổ Văn phòng và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH nhà trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thu

Đơn vị: TRƯỜNG TH QUYẾT THẮNG
Chương: 622 -070-072

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mạo Khê, ngày 05 tháng 4 năm 2024

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH VÀ
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU - CHI DỊCH VỤ, THU KHÁC QUÝ I NĂM 2024**
(Kèm theo Quyết định số: 59/QĐ - THCSNĐC ngày 05/4/2024 của trường TH Quyết Thắng)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ quyết định số: 878/QĐ-PGD&ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của phòng Giáo dục & Đào tạo thị xã Đông Triều "Về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2024";

Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi quý I năm 2024 như sau:

ĐV tính: đồng					
Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2024	Thực hiện quý I năm 2024	Thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
*	Dư năm trước chuyển sang	11.853.870	11.853.870	0	0
1	Tiền hoàn trả BHYT HS	93.870	93.870	0	0
2	Tiền khen thưởng	3.600.000	3.600.000	0	0
3	Tiền bảo hành công trình	8.160.000	8.160.000	0	0
A	Các khoản thu ngoài ngân sách NN				
I	Tổng số thu	700.420.430	700.420.430	100	214,79
1	Tiền ăn	438.400.000	438.400.000	100	175,39
2	Tiền cấp dưỡng	61.335.000	61.335.000	100	190,87

3	Tiền QLHS trong giờ bán trú	185.815.000	185.815.000	100	258,43
4	Tiền tin học	12.708.000	12.708.000	100	1087,85
5	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	1.435.095	1.435.095	100	0,00
6	Tiền hoàn trả BHYT HS	727.335	727.335	100	0,00
					-
II	Chi từ nguồn thu được để lại	695.054.595	695.054.595	100	213,23
1	Tiền ăn	437.468.560	437.468.560	100	175,76
2	Tiền cấp dưỡng	61.335.000	61.335.000	100	190,87
3	Tiền QLHS trong giờ bán trú	180.985.500	180.985.500	100	258,61
4	Tiền tin học	10.938.200	10.938.200	100	1170,76
5	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	-	-	-	-
6	Tiền hoàn trả BHYT HS	727.335	727.335	100	0,00
7	Tiền thưởng	3.600.000	3.600.000	100	0,00
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	17.219.705	-	-
IV	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối năm		0	-	0,00
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.580.421.000	1.669.450.091	22,02	108,55
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.490.565.000	1.627.850.091	21,73	105,84
a	Chi thanh toán cá nhân	6.139.335.000	1.371.589.780	22,34	131,76
	Mục 6000: Tiền lương	3.116.800.000	744.714.030	23,89	130,39
	Mục 6050: Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	83.200.000	0		-
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.825.029.813	417.871.950	22,90	137,23
	Mục 6200: Tiền thưởng	23.000.000		0,00	-
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	10.000.000	1.600.000	16,00	87,43
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	1.057.605.187	204.883.800	19,37	128,12
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	23.700.000	2.520.000		70,18
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	1.191.230.000	201.685.311	16,93	94,79
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	90.000.000	14.211.811	15,79	189,81
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	160.730.000	37.059.000	23,06	302,28

	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	27.000.000	3.124.000	11,57	62,28
	Mục 6650: Hội nghị	7.000.000	0	-	-
	Mục 6700: Công tác phí	30.000.000	3.000.000	10,00	125,00
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	160.000.000	20.800.000	13,00	56,73
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	210.000.000	51.128.500	24,35	102,76
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	90.000.000	0	0,00	0,00
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	416.500.000	72.362.000	17,37	130,67
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	0	0	-	-
	Tiểu mục 7053: Mua , bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	0	0	-	-
d	Các khoản chi khác	160.000.000	54.575.000	34,11	188,07
	Mục 7750: Chi khác	160.000.000	54.575.000	34,11	188,07
B	<u>Kinh phí không tự chủ</u>	<u>89.856.000</u>	<u>41.600.000</u>	<u>46,30</u>	-
1	Chi thanh toán cho cá nhân	-	-	-	-
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	<u>89.856.000</u>	<u>41.600.000</u>	46,30	-
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	89.856.000	41.600.000	46,30	-
3	Các khoản chi khác	-	-	-	-

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



LÊ THỊ THU